

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **11/2025/KDTM-ST**
Ngày: 06-6-2025
V/v “tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Ngọc Ân
- Ông Nguyễn Văn Cao

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Bà Lê Hà Thảo Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 29/2024/TLST-KDTM ngày 29/10/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần M.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Trần Minh B, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 108, đường Trần Hưng Đ, quận Hoàn K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu Vĩnh T, chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh (theo văn bản ủy quyền số 794/UQ-GĐ-CNBLU ngày 10/12/2024, có mặt).

Địa chỉ chi nhánh: Số 159, Quốc lộ 1, Khu phố 1, thị trấn Bến L, huyện Bến L, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ công nghệ N.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Cao Chí T, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 123, đường Lê Thị Hồng G, phường Cầu Ông L, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Thế Nh, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 50, đường 53, Khu phố 5, phường Bình Th, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Hữu Vĩnh T đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần M (gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ công nghệ N (gọi tắt là Công ty N) thỏa thuận ký Hợp đồng cho vay hạn mức số: 172/2021-HĐCVHM/NHCT704-THANHPHONG ngày 09/6/2021, với hạn mức cho vay 40.000.000.000đồng, thời gian duy trì hạn mức từ ngày 09/6/2021 đến ngày 09/6/2022, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh lúa, gạo. Ngân hàng đã giải ngân xong số tiền 40.240.000.000đồng cho Công ty N, theo các giấy nhận nợ, cụ thể như sau: Giấy nhận nợ số 16 ngày 24/01/2022, giải ngân số tiền 10.000.000.000đồng, đã thanh toán số tiền 337.282.481đồng, còn nợ số tiền 9.662.717.519đồng; Giấy nhận nợ số 17 ngày 07/02/2022, giải ngân số tiền 4.970.000.000đồng; Giấy nhận nợ số 18 ngày 08/02/2022, giải ngân số tiền 8.570.000.000đồng; Giấy nhận nợ số 19 ngày 09/02/2022, giải ngân số tiền 6.700.000.000đồng; Giấy nhận nợ số 20 ngày 24/5/2022, giải ngân số tiền 10.000.000.000đồng. Để đảm bảo khoản nợ vay của Công ty N, Ngân hàng đã nhận thế chấp tài sản của ông Phan Thế Nh theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 172/2021/HĐBĐ/NHCT704 ngày 04/6/2021. Tài sản thế chấp gồm:

- Thửa đất số 2416, tờ bản đồ số 07, diện tích 265,4m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc xã Lợi Bình Nhơn, thành phố Tân An, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 015839 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà Võ Thị Phụng L ngày 26/12/2019, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố Tân An chỉnh lý sang tên ông Phan Thế Nh ngày 13/01/2020.

- Thửa đất số 1013, tờ bản đồ số 07, diện tích 4800,7m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc xã Lợi Bình Nhơn, thành phố Tân An, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 015793 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà Võ Thị Phụng L ngày 23/12/2019, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố Tân An chỉnh lý sang tên ông Phan Thế Nh ngày 13/01/2020.

Quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay hạn mức số: 172/2021-HĐCVHM/NHCT704-THANHPHONG ngày 09/6/2021, Công ty N đã vi phạm

nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Yêu cầu Công ty N thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/6/2025) là: 56.134.267.299đồng (trong đó: nợ gốc 39.902.717.519đồng; nợ lãi 10.861.510.080đồng; phạt lãi quá hạn 5.370.039.700đồng).

Yêu cầu Công ty N tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 172/2021-HĐCVHM/NHCT704-THANHPHONG ngày 09/6/2021 giữa Ngân hàng và Công ty N kể từ ngày 07/6/2025 cho đến khi Công ty N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp Công ty N không trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 172/2021/HĐBĐ/NHCT704 ngày 04/6/2021 đã ký giữa Ngân hàng và ông Phan Thế Nh. Trường hợp giá trị tài sản đảm bảo phát mãi không đủ thanh toán nợ thì Ngân hàng yêu cầu Công ty N tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cho vay hạn mức đã ký kết giữa Ngân hàng và Công ty N.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức căn cứ quy định tại Điều 196, Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ghi ý kiến của Công ty N, ông Phan Thế Nh đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tuy nhiên, Công ty N, ông Phan Thế Nh vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với Công ty N về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc Công ty N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc: 39.902.717.519đồng; nợ lãi: 10.861.510.080đồng; phạt lãi quá hạn: 5.370.039.700đồng, tổng cộng số tiền 56.134.267.299đồng, tính đến ngày 06/6/2025 và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 07/6/2025 cho đến khi Công ty N thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi chậm trả, lãi phạt theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số: 172/2021- HĐCVHM/NHCT704-THANHPHONG ngày 09/6/2021 được ký kết giữa Ngân hàng và Công ty N. Trường hợp Công ty N không thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 172/2021- HĐCVHM/NHCT704-THANHPHONG ngày 09/6/2021 thì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 172/2021/HĐBĐ/NHCT704 ngày 04/06/2021 được

xử lý theo quy định tại Điều 299, Điều 303 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ để thanh toán nợ cho Ngân hàng thì hợp đồng thế chấp nêu trên được xử lý theo quy định tại Điều 335, 336, 339, 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty N thanh toán cho Ngân hàng khoản nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức được ký kết giữa Ngân hàng và Công ty N. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng và Công ty N ký biên bản thỏa thuận ngày 03/4/2024 về việc lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, nơi nguyên đơn đặt trụ sở chi nhánh giải quyết tranh chấp. Căn cứ khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3]. Về phạm vi khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét những nội dung theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được quy định tại Điều 5, Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự; những nội dung khác không liên quan đến nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án không xem xét đến.

[4]. Về vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Công ty N, ông Phan Thế Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ theo thủ tục chung.

[5]. Xét nội dung tranh chấp:

[5.1]. Hợp đồng cho vay hạn mức số: 172/2021-HĐCVHM/NHCT704-THANHPHONG ngày 09/6/2021 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 172/2021/HĐBĐ/NHCT704 ngày 04/6/2021 được xác lập giữa Ngân hàng và ông Phan Thế Nh trên cơ sở tự nguyện, có nội dung phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội và có hình thức phù hợp theo quy định tại Điều 405, Điều 406 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử xét thấy đây là hợp đồng hợp pháp, làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao kết hợp đồng.

[5.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng:

[5.2.1] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty N thanh toán cho Ngân hàng số tiền tiền nợ gốc 39.902.717.519đồng; nợ lãi 10.861.510.080đồng; phạt lãi quá hạn 5.370.039.700đồng, tổng cộng 56.134.267.299đồng. Ngân hàng khởi kiện có cung cấp cho Tòa án chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là Hợp đồng cho vay hạn mức số: 172/2021-HĐCVHM/NHCT704-THANHPHONG ngày 09/6/2021. Nội dung Hợp đồng cho vay hạn mức số:

172/2021-HĐCVHM/NHCT704-THANHPHONG ngày 09/6/2021 thể hiện, Ngân hàng cho Công ty N vay với hạn mức cho vay 40.000.000.000đồng, thời gian duy trì hạn mức từ ngày 09/6/2021 đến ngày 09/6/2022, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh lúa, gạo. Ngân hàng đã giải ngân xong số tiền 40.240.000.000đồng cho Công ty N, theo các giấy nhận nợ, cụ thể như sau: Giấy nhận nợ số 16 ngày 24/01/2022, giải ngân số tiền 10.000.000.000đồng, đã thanh toán số tiền 337.282.481đồng, còn nợ số tiền 9.662.717.519đồng; Giấy nhận nợ số 17 ngày 07/02/2022, giải ngân số tiền 4.970.000.000đồng; Giấy nhận nợ số 18 ngày 08/02/2022, giải ngân số tiền 8.570.000.000đồng; Giấy nhận nợ số 19 ngày 09/02/2022, giải ngân số tiền 6.700.000.000đồng; Giấy nhận nợ số 20 ngày 24/5/2022, giải ngân số tiền 10.000.000.000đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để Công ty N đến Tòa án trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ nhằm bảo vệ quyền lợi của Công ty N đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng Công ty N cố tình vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp gồm: Hợp đồng cho vay hạn mức số: 172/2021-HĐCVHM/NHCT704-THANHPHONG ngày 09/6/2021; Các giấy nhận nợ, gồm: Giấy nhận nợ số 16 ngày 24/01/2022, giấy nhận nợ số 17 ngày 07/02/2022, giấy nhận nợ số 18 ngày 08/02/2022, giấy nhận nợ số 19 ngày 09/02/2022, giấy nhận nợ số 20 ngày 24/5/2022 thể hiện nội dung tại mục “bên vay” có chữ ký, đóng dấu của ông Cao Chí T là người đại diện hợp pháp theo pháp luật của Công ty N. Do đó, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu Công ty N thanh toán số tiền nợ gốc là 39.902.717.519đồng.

[5.2.2]. Xét yêu cầu tính lãi của Ngân hàng:

Lãi suất cho vay, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 172/2021-HĐCVHM/NHCT704-THANHPHONG ngày 09/6/2021 do các bên tự nguyện thỏa thuận và phù hợp Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng. Do đó, Ngân hàng khởi yêu cầu Công ty N thanh toán tiền nợ lãi 10.861.510.080đồng; phạt lãi quá hạn 5.370.039.700đồng (tính đến ngày 06/6/2025) là có căn cứ chấp nhận.

Đồng thời, cần tiếp tục duy trì mức lãi suất cho vay, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 172/2021-HĐCVHM/NHCT704-THANHPHONG ngày 09/6/2021 được ký kết giữa Ngân hàng và Công ty N cho đến khi Công ty N thanh toán xong số tiền nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng.

Từ những phân tích tại mục [5.2.1] và [5.2.2], Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, cũng như chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Buộc Công ty N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 39.902.717.519đồng; nợ lãi 10.861.510.080đồng; phạt lãi quá hạn 5.370.039.700đồng, tổng cộng 56.134.267.299đồng, tính đến ngày 06/6/2025.

[5.2.3]. Về yêu cầu xử lý tài sản của Ngân hàng:

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: HĐCVHM/NHCT704-THANHPHONG ngày 09/6/2021 giữa Ngân hàng và Công ty N. Tại Điều 5 của Hợp đồng các bên đã thỏa thuận về biện pháp bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 172/2021/HĐBĐ/NHCT704 ngày 04/6/2021. Tài sản thế chấp gồm:

- Thửa đất số 2416, tờ bản đồ số 07, diện tích 265,4m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc xã Lợi Bình Nhơn, thành phố Tân An, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 015839 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà Võ Thị Phượng L ngày 26/12/2019, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố Tân An chỉnh lý sang tên ông Phan Thế Nh ngày 13/01/2020.

- Thửa đất số 1013, tờ bản đồ số 07, diện tích 4800,7m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc xã Lợi Bình Nhơn, thành phố Tân An, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 015793 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà Võ Thị Phượng L ngày 23/12/2019, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố Tân An chỉnh lý sang tên ông Phan Thế Nh ngày 13/01/2020.

Hợp đồng thế chấp này có hình thức và nội dung phù hợp theo quy định tại các Điều 299, 303, 307, 317, 318, 319, 320, 321, 323; khoản 1 Điều 326; Điều 327 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 166, 167, 179 của Luật đất đai 2013 nên hợp đồng có hiệu lực và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng nội dung cam kết trong hợp đồng. Do đó, cần tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 172/2021/HĐBĐ/NHCT704 ngày 04/6/2021 để đảm bảo thi hành các khoản nợ của Ngân hàng.

[6]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Công ty N phải chịu số tiền 5.000.000đồng. Ngân hàng đã nộp tạm ứng số tiền này nên cần buộc Công ty N nộp lại số tiền 5.000.000đồng để hoàn trả cho Ngân hàng.

[7]. Về án phí: Công ty N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 299, 303, 307, 317, 318, 319, 320, 321, 323; khoản 1 Điều 326, Điều 327 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 90, 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26, 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần M đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ công nghệ N về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ công nghệ N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần M số tiền nợ gốc: 39.902.717.519đồng; nợ lãi: 10.861.510.080đồng; phạt lãi quá hạn: 5.370.039.700đồng (tính đến ngày 06/6/2025), tổng cộng số tiền: 56.134.267.299đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 07/6/2025 cho đến khi Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ công nghệ N thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi chậm trả, lãi phạt theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số: 172/2021- HĐCVHM/NHCT704-THANHPHONG ngày 09/6/2021 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần M và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ công nghệ N.

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ công nghệ N không thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 172/2021- HĐCVHM/NHCT704-THANHPHONG ngày 09/6/2021 thì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 172/2021/HĐBĐ/NHCT704 ngày 04/6/2021 được xử lý theo quy định tại Điều 299, Điều 303 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ để thanh toán nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần M thì hợp đồng thế chấp nêu trên được xử lý theo quy định tại Điều 335, 336, 339, 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ công nghệ N nộp số tiền 5.000.000đồng để hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần M.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ công nghệ N phải chịu 164.134.267đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần M 80.539.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000.7935 ngày 23/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo qui định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Bến Lức.
- CCTHADS huyện Bến Lức.
- Các đương sự.
- Lưu HS-AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Đông